

Bản án số: 131/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06/11/2019
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T- TỈNH H

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Dương Thị Phương Dung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Xuân Vinh**

Bà **Nguyễn Thị Tĩnh**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Hồ Thị Thư** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:* Ông **Lê Hoàng Anh** - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 470/2019/TLST-HNGĐ ngày 07/8/2019 về việc “**Ly hôn**”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/10/2019 giữa các đương sự sau:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị Thanh T** - Sinh năm 1986

Địa chỉ: 87 đường V, Quận 1, thành phố M. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Minh T** - Sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 1, phường H, thành phố T. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh T trình bày: Tôi và anh Trần Minh T kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, chúng tôi sống rất hòa hợp. Tuy nhiên, mấy năm gần đây chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T không quan tâm đến gia đình, vợ con, nhiều lần gây nợ nần khiến tôi phải trả nợ thay. Chúng tôi đã nhiều lần ngồi nói chuyện để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tháng 6 năm 2019 anh T đã có hành vi vũ phu đánh đập tôi nên tôi đã đưa 02 con về nhà mẹ đẻ tại thành phố M sống từ đó đến nay. Tôi thấy không thể duy trì cuộc hôn nhân này nữa vì tình cảm của tôi với anh T không còn, do đó, tôi xin ly hôn với anh T.

Tôi và anh T có 02 con chung là Trần Huỳnh Minh T sinh ngày 06/7/2010 và Trần Huỳnh Đắc T sinh ngày 12/6/2014. Tôi xin được nuôi dưỡng 02 con vì hiện nay 02 con đang sống cùng tôi tại thành phố M, bản thân tôi đủ điều kiện kinh tế để nuôi

02 con và 02 con cũng có nguyện vọng muốn sống với tôi. Tôi không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung chúng tôi tự giải quyết.

Bị đơn ông *Trần Minh T* trình bày: Tôi và cô Huỳnh Thị Thanh T kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, tôi và cô T xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được. Do đó, tôi đồng ý ly hôn với cô T.

Tôi và cô T có 02 con chung là Trần Huỳnh Minh T sinh ngày 06/7/2010 và Trần Huỳnh Đắc T sinh ngày 12/6/2014. Tôi thấy mình có nơi cư trú ổn định, không vi phạm pháp luật, có đủ điều kiện tài chính để nuôi con. Do đó, tôi xin được nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu cô T cấp dưỡng nuôi con. Tôi đề nghị Tòa án bác bỏ Vi bằng số 5234/2019/VB-TPLQ5 ngày 11/9/2019 do cô T yêu cầu Văn phòng thừa phát lại quận 5 cấp về việc hỏi ý kiến con trai thứ hai của tôi là Trần Huỳnh Đắc T sinh ngày 12/6/2014, do cháu chỉ mới 05 tuổi.

Tài sản chung và nợ chung chúng tôi tự giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm: trong quá trình giải quyết vụ án, hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung, giao hai con chung là Trần Huỳnh Minh T sinh ngày 06/7/2010 và Trần Huỳnh Đắc T sinh ngày 12/6/2014 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, không xem xét do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

Việc bà Huỳnh Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông Trần Minh T, xét yêu cầu khởi kiện của bà T là hoàn toàn đúng pháp luật nên chấp nhận và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T.

*** Về nội dung vụ án:** Bà Huỳnh Thị Thanh T và ông Trần Minh T tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân phường L – thành phố H – tỉnh Y cấp giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyển số 01/2009. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống, cuộc sống hôn nhân của bà T và ông T có nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, không thể hàn gắn được, cả bà T và ông T đều thừa nhận điều này. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

- Về con chung: Bà Huỳnh Thị Thanh T và ông Trần Minh T có 02 con chung là Trần Huỳnh Minh T sinh ngày 06/7/2010 và Trần Huỳnh Đắc T sinh ngày 12/6/2014. Cả bà T và ông T đều có nguyện vọng xin nuôi 02 con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét: Đối với cháu Trần Huỳnh Minh T sinh ngày 06/7/2010, cháu T đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng muốn sống với mẹ.

Đối với cháu Trần Huỳnh Đắc T sinh ngày 12/6/2014. Bà Huỳnh Thị Thanh T cung cấp cho Tòa án Vi bằng số 5234/2019/VB-TPLQ5 ngày 11/9/2019 của Văn

phòng thừa phát lại quận 5 về việc ghi nhận ý kiến cháu Thịnh muốn sống với mẹ. Xét thấy, mặc dù cháu T chưa đủ 7 tuổi để lấy ý kiến của cháu theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng Dân sự. Tuy nhiên, đây cũng là một chứng cứ thể hiện mong muốn được sống với mẹ của cháu T. Hơn nữa, trong trường hợp bà T và ông T ly hôn thì việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng ngoài việc đảm bảo về tài chính nuôi con còn phải đảm bảo về mặt tinh thần để con trẻ được phát triển tâm sinh lý một cách tốt nhất. Cả bà T và ông T đều chứng minh mình có đủ khả năng về tài chính để nuôi con. Nhưng hiện nay cả 02 con chung đều đang sống cùng bà T tại thành phố M. Các cháu đang đi học tại thành phố M và quan trọng hơn là cả hai cháu đang được sống cùng nhau. Cháu T còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó, để tránh sự xáo trộn về mặt tâm lý, để đảm bảo sự phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần cho con chung. Chấp nhận giao 02 con chung là Trần Huỳnh Minh T sinh ngày 06/7/2010 và Trần Huỳnh Đắc T sinh ngày 12/6/2014 cho bà Huỳnh Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

- Về án phí: Bà Huỳnh Thị Thanh T phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 235, Điều 264, Điều 267 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Huỳnh Thị Thanh T được ly hôn ông Trần Minh T.

2/ Về con chung: giao 02 con chung Trần Huỳnh Minh T sinh ngày 06/7/2010 và Trần Huỳnh Đắc T sinh ngày 12/6/2014 cho bà Huỳnh Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Trần Minh T do bà Huỳnh Thị Thanh T không yêu cầu.

Ông Trần Minh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà T, ông T có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4/ Về án phí: Bà Huỳnh Thị Thanh T phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng bà T đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0015039 ngày 07/8/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T, bà T đã nộp đủ án phí HNGĐ-ST.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh H;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. T;
- Chi cục thi hành án Dân sự Tp. Nha Trang;
- UBND phường L
- Tp. H- tỉnh Y;
- Giấy chứng nhận kết hôn số 64,
quyển số 01/2009;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đào Dương Thị Phương Dung